

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 2284/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Lâm Thanh H, sinh năm 1988;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số H đường P, Tổ G, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số D, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, bà H và ông D cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, bà H và ông D thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 23/10/2023. Ông D, bà H cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông D, bà H đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông D, bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Bà Nguyễn Lâm Thanh H và ông Nguyễn Trọng D chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố

B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 152/2013, quyển số 01/2013 ngày 25/6/2013. Bà H và ông D xác định 02 con chung là cháu Nguyễn Lâm Châu A, sinh ngày 07/01/2017 và cháu Nguyễn Lâm Quyên A1, sinh ngày 13/9/2018. Bà H và ông D thỏa thuận giao 02 cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 25.000.000đồng/tháng/2con. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà H, ông D xác định tài sản chung tự thỏa thuận, xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H, ông D thừa nhận trong quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà H, ông D xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy bà H, ông D thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của bà H, ông D đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và của con chung; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà H, ông D.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Lâm Thanh H và ông Nguyễn Trọng D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lâm Châu A, sinh ngày 07/01/2017 và cháu Nguyễn Lâm Quyên A1, sinh ngày 13/9/2018 cho bà Nguyễn Lâm Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Trọng D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 25.000.000đồng/tháng/02 con. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 đến khi 02 con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông D, bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Ông D và bà H xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét

- Về nợ chung: Ông D và bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà H và ông D mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà bà H, ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009078 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H, ông D đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- UBND phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quốc Bảo**